

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23-02-2021
“V/v Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Trần Quốc

Ông: Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Việt Xô- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 856/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐ-ST, ngày 01.02.2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị N, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Lê Hoàng N, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Chị N và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 2 con chung tên Lê Thị T V sinh ngày 25.09.1999 (đã trưởng thành); Lê Thị Yến N sinh ngày 03.10.2003 hiện đang sống cùng chị N.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân khoản 2 năm không có thiện chí hàng gần trở lại.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng N, về con chung cháu lớn đã trưởng thành, còn cháu nhỏ theo ai người đó nuôi, không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Hoàng N trình bày: Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại biên bản làm việc ngày 8.02.2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời với cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 03.10.2003, thì cháu có nguyện vọng sống với chị N.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “*Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “*Ly hôn và nuôi con*”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập 2 lần để xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị N và anh N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị N và anh N không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị Lê Thanh N và anh Lê Hoàng N là vợ chồng là phù hợp;

[4] *Xét về con chung:* có 2 con chung cháu V đã đủ tuổi trưởng thành, cháu Lê Thị Yến N sinh ngày 03.10.2003, hiện nay đang sống cùng chị N. Theo đơn khởi kiện chị N cũng yêu cầu được nuôi cháu N và theo biên bản làm việc vào ngày 8.02.2021 cháu N có nguyện vọng sống với chị N. Tại Tòa chị N cũng xác định có đủ điều kiện để nuôi cháu N, do đó chấp nhận giao cháu Lê Thị Yến N sinh ngày 03.10.2003 cho chị N nuôi dạy là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung :* Theo đơn khởi kiện chị N xác định tài sản chung do vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập anh N nhiều lần nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của anh N, nên không xác định được phần tài sản, nên tách

phần tài sản chung ra khi nào anh N có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng 1 vụ kiện khác.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định là phần nợ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về án phí*: chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị N nuôi dạy cháu Lê Thị Yến N sinh ngày 03.10.2003, anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này và anh N phải tôn trọng quyền của cháu N được sống với chị N.

Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004410 ngày 14/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung